

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý I năm 2025)

(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý I năm 2025 của Quỹ, tính đến ngày 31/03/2025, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 8,35 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 31/12/2024, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) giảm 2,68 (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 170.751.484.692 đồng, tương ứng với 14.360.150,94 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	31/03/2025 (%)	31/12/2024 (%)	30/09/2024 (%)
Danh mục cổ phiếu	86,52	89,33	87,82
Tiền và tương đương tiền	5,04	5,46	5,73
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	4,50	4,25	4,21
Tài sản khác	3,93	0,96	2,24
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/03/2025	31/12/2024	30/09/2024
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	170.751.484.692	186.308.298.512	186.031.998.256
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.360.150,94	15.249.204,11	15.207.516,30
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	11.890,65	12.217,58	12.232,90
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.393,00	12.271,92	12.554,89
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.755,03	11.436,16	11.485,15
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(2,68)	(0,13)	1,12
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(2,86)	(1,25)	(1,78)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	0,18	1,12	2,90
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,51	2,48	2,49
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	167,94	145,71	158,87

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	(3,27)	(3,27)
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	18,91	5,94
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/03/2025	31/03/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(3,27)	21,88

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

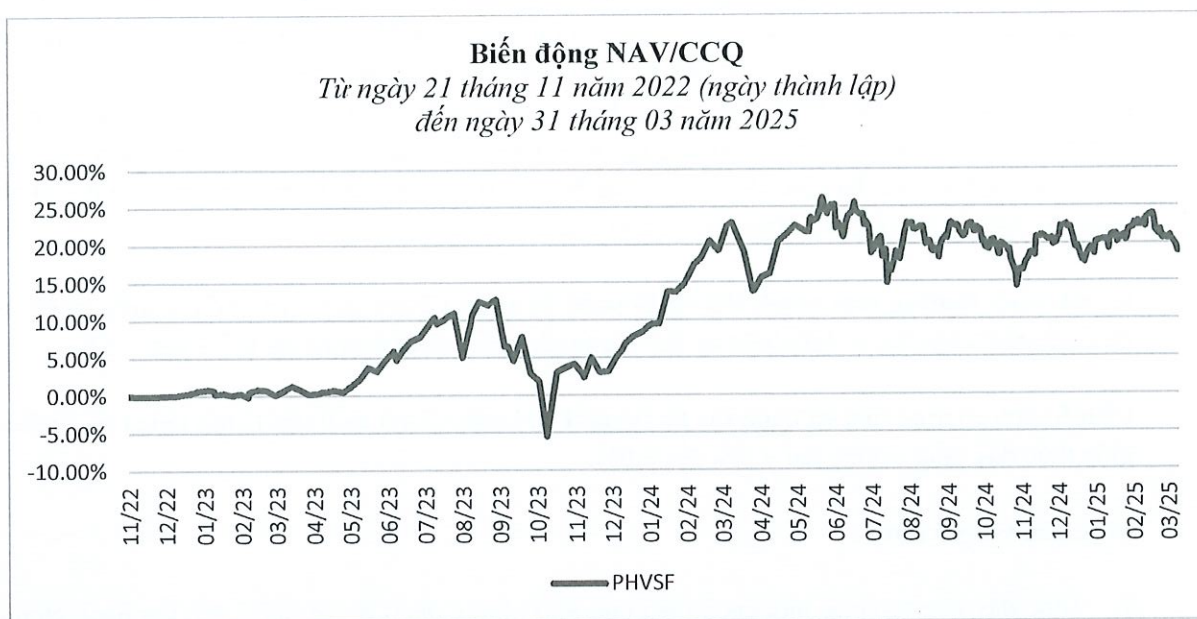
Trong Quý 1/2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực với GDP tăng trưởng 6,93% so với cùng kỳ năm trước - mức cao nhất kể từ năm 2019 (quý 1/2024: +5,98% YoY). Động lực chính đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của ngành sản xuất chế biến chế tạo, khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,9% YoY (quý 1/2024: +5,7% YoY), trong đó riêng ngành chế biến chế tạo tăng 9,5% YoY (Quý 1/2024: +5,9% YoY). Báo cáo PMI tháng 3 cho thấy số lượng đơn hàng trong nước tăng, phản ánh triển vọng sản xuất tích cực. Cùng với đó, kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh 19% YoY trong tháng 3 và 17% YoY trong Quý 1 cho thấy các doanh nghiệp đang chủ động nhập hàng đầu vào để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất. Ngoài ra, việc tạm hoãn áp thuế đối ứng trong 90 ngày tại Mỹ cũng là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu, khi các doanh nghiệp Mỹ có xu hướng tăng cường mua hàng trước thời điểm áp thuế vào tháng 7. Trên mặt trận tiêu dùng, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong Quý 1/2025 tăng 9,9% YoY (so với 8,6% YoY trong Quý 1/2024), một phần nhờ lượng khách quốc tế tăng mạnh, đạt 6 triệu lượt trong quý. Vốn FDI đăng ký trong Quý 1 cũng đạt mức cao nhất kể từ năm 2012, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, giải ngân đầu tư công có phần chậm lại trong quý, trong khi thu ngân sách Nhà nước đạt 721,3 nghìn tỷ đồng (+29,3% YoY), hoàn thành 36,7% kế hoạch năm - cho thấy dư địa tăng thu vẫn còn lớn. Chi ngân sách đạt 428,2 nghìn tỷ đồng (+11,6% YoY), tương đương 16,8% kế hoạch, dẫn đến thặng dư tài khóa ở mức 293,1 nghìn tỷ đồng. Về thương mại, kim ngạch xuất khẩu trong Quý 1 đạt 102,8 tỷ USD (+10,6% YoY), trong khi nhập khẩu đạt 99,7 tỷ USD (+17% YoY), dẫn đến thặng dư thương mại 3,2 tỷ USD - dù thấp hơn mức 7,8 tỷ USD của cùng kỳ năm 2024.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	7,99	7,82
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(11,26)	11,08
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(3,27)	18,91
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(3,27)	5,94
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/03/2025 (VND) (1)	31/12/2024 (VND) (2)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	170.751.484.692	186.308.298.512	(8,35)
NAV/CCQ	11.890,65	12.217,58	(2,68)

Trong giai đoạn từ 31/12/2024 đến 31/03/2025, NAV của Quỹ giảm 8,35% và NAV/CCQ giảm 2,68% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	512	92.520,33	0,64
Từ 5.000 đến 10.000	7	47.468,05	0,33
Từ 10.000 đến 50.000	7	133.188,02	0,93
Từ 50.000 đến 500.000	3	265.865,56	1,85
Trên 500.000	5	13.821.108,98	96,25
Tổng cộng	534	14.360.150,94	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mục tiêu kinh tế: Chính phủ vẫn giữ mục tiêu tăng trưởng 8% như đầu năm tuy nhiên mục tiêu này sẽ trở nên rất thách thức trong bối cảnh tuyên bố áp thuế quan của Mỹ còn nhiều bất định. Trong kịch bản xấu nhất với mức thuế lên tới 46%, ước tính sơ bộ của Bộ Tài chính cho thấy cú sốc thuế quan này có thể khiến tăng trưởng GDP cả năm 2025 giảm từ 0,7 đến 1,5 điểm phần trăm so với mục tiêu. Mặc dù tác động trước mắt của cú sốc thuế quan có thể không nghiêm trọng như đại dịch Covid-19 vào năm 2021, nhưng ảnh hưởng trong trung và dài hạn có thể sâu rộng hơn do rủi ro kéo dài từ môi trường chính sách thương mại thiếu ổn định. Kinh tế 2025 được chia thành 2 kịch bản sau:

Chính sách thương mại quyết liệt từ Donald Trump: Chính sách tiền tệ được điều chỉnh từ mức vừa phải đến thắt chặt nhẹ (+150 điểm cơ bản), giúp thúc đẩy tăng trưởng đạt 6,5% đến 7,5%.

Chính sách có mục tiêu và chọn lọc từ Donald Trump: Chính sách tiền tệ nói lỏng (+/- 75 điểm cơ bản), giúp thúc đẩy tăng trưởng đạt 7,5% đến 9,0%.

Mục tiêu tăng trưởng:

1. Thúc đẩy đầu tư công một cách hiệu quả nhờ khung pháp lý cải thiện, thủ tục hành chính rút ngắn, điều này sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, khuyến khích khu vực tư nhân gia tăng đầu tư, từ đó hỗ trợ tổng cầu và tăng trưởng kinh tế.
2. Thị trường bất động sản phục hồi cùng với xu hướng tăng tiêu dùng nội địa sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Lượng khách du lịch đã trở về xu hướng trước khi Covid-19 diễn ra được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
3. Tăng trưởng xuất khẩu có thể chậm lại khi Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam - đối mặt với rủi ro gia tăng thuế quan. Đồng thời, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng sẽ gặp nhiều thách thức do các rào cản thương mại gia tăng từ phía Mỹ.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HTNV

